

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN D  
TỈNH K**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 28 tháng 9 năm 2020  
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D - TỈNH K**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Vinh
- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Huê

Ông Mai Xuân Hải

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Thị Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D - Khánh Hòa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D tham gia phiên tòa:*** Ông Huỳnh Tấn T- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 288/2020/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2020 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2020/QĐXXST-ST ngày 04/9/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14/9/2020, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Th - sinh năm 1993

Địa chỉ: thôn PL, xã DT, huyện D, tỉnh K.

Có mặt tại phiên tòa.

- **Bị đơn:** Anh Đỗ T - sinh năm 1993

Địa chỉ: thôn ML, xã BL, huyện D, tỉnh K.

Vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 24/7/2020, bản tự khai ngày 31/7/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Th trình bày: chị và anh Đỗ T tự nguyện yêu thương và có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã DT vào năm 2015. Trong thời gian chung sống, giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do anh T ham mê cờ bạc, cá độ, không chịu khó làm ăn, lo lắng, chăm sóc cho gia đình, dẫn đến vợ chồng cãi vã, có những lời nói làm tổn thương đến nhau. Chị T đã nhiều lần tạo cơ hội nhưng anh T vẫn không thay đổi bản tính, gia đình không hạnh phúc. Chị T và anh T không chung sống với nhau từ tháng 7/2020 cho đến nay. Tình cảm giữa chị T và anh T đã không còn, chị T yêu cầu xin ly hôn với bị đơn anh Đỗ T.

Về con chung: có 01 con chung là Đỗ Ngọc Cẩm G - sinh ngày 22/11/2015. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: chị T xác định giữa chị và anh T không có nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần mời anh Đỗ T đến Tòa án làm việc, nhưng anh T vẫn cố tình vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản, giấy tờ tài liệu cần thiết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh Đỗ T; con chung: có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung và nợ chung: không có. Bị đơn anh Đỗ T vắng mặt lần thứ hai, không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D - Khánh Hòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ trình tự thủ tục tố tụng. Bị đơn anh Đỗ T vi phạm khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th xin ly hôn với Đỗ T. Về con chung: Giao cháu G cho chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: chị T xác định không có nên không xem xét. Về án phí: chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Đỗ T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa vắng mặt. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh Đỗ T.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Th và anh Đỗ T tự nguyện yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã DT, đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 88/2015 ngày 12/8/2015 theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, theo chị T nguyên nhân là do anh T ham mê cờ bạc, không lo làm ăn, chăm sóc, quan tâm đến gia đình, luôn dùng lời nói làm tổn thương chị T. Chị T xác định không còn quan hệ vợ chồng với anh T từ tháng 7/2020 cho đến nay. Do đó, tình cảm chị T dành cho anh T không còn. Tại biên bản xác minh ngày 01/9/2020 bà Hồ Trần Đăng Thi - Chủ tịch Hội phụ nữ xã BL thể hiện: Vợ chồng chị T và anh T không có yêu cầu hòa giải mâu thuẫn gia đình nên Hội phụ nữ không nghe thông tin gì về mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T và anh Hưng. Anh Đỗ T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng anh T không đến Tòa án làm việc. Điều này chứng tỏ, anh T không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này nên cho thấy hôn nhân giữa chị T và anh T đã không còn tình cảm yêu thương gì với nhau, dẫn đến gia đình không có hạnh phúc, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể khắc phục, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Th được ly hôn với anh Đỗ T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]. Về con chung: Chị T và anh T có 01 con chung là Đỗ Ngọc Cẩm G - sinh ngày 22/11/2015. Hiện tại, chị T đang trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu G, có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi cháu G và

không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Đây là yêu cầu chính đáng của chị T phù hợp với pháp luật nên cần để chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung.

[4]. Về tài sản chung: chị T xác định giữa chị và anh T không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về nợ chung: Chị T xác định giữa chị và anh T không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Chị T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Th được ly hôn với anh Đỗ T.

[2]. Về con chung: Giao con chung là Đỗ Ngọc Cẩm G - sinh ngày 22/11/2015, cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đỗ T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, chị T, anh T có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[3]. Về tài sản chung: không có.

[4]. Về nợ chung: không có.

[5]. Về án phí: chị Nguyễn Thị Th nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), mà chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0001735 ngày 31/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện D - Khánh Hòa; chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Quy định chung: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[6]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện D;
- Ủy ban nhân dân xã DT (nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**Vũ Thị Kim Vinh**

